

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 14-3-2025

V/v “*Tranh chấp*

Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Thanh Văn

2. Ông Nguyễn Đức Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Anh- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 07/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 27/02/2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1957 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đồng Lạng, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Ông Dương Đức P, sinh năm 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ruông, xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đồng Lạng, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1957 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đồng Lạng, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Dương Thị L, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ruông, xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M trình bày:

Ông và ông P có mối quan hệ quen biết. Ngày 30/11/2019 dương lịch tức ngày 05/11/2019 âm lịch ông có cho ông Dương Đức P vay số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng). Hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/11/2019, giấy biên nhận vay tiền viết tại nhà ông, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng L 2.000 đồng/1triệu/1ngày, không ghi vào giấy biên nhận vay tiền. Lúc viết giấy biên nhận vay tiền có mặt ông, ông P, ngoài ra không có ai khác, phần đầu giấy biên nhận vay tiền có ghi bà Dương Thị L nhưng bà L tại thời điểm viết giấy không có mặt, toàn bộ chữ viết trong giấy biên nhận vay tiền L chữ viết của ông P. Chữ viết, chữ ký trong mục người vay tiền ký tên “P, Dương Đức P” L chữ ký, chữ viết của ông P, chữ ký “M” trong mục bên cho vay L chữ ký chữ viết của ông. Khi viết xong giấy này ông đã đưa cho ông P đủ tiền mặt số tiền 110.000.000 đồng, hai bên không viết thêm giấy tờ gì khác, hai bên thỏa thuận vay trong hạn 01 năm ông P phải trả cho ông số tiền trên.

Ông P vay ông số tiền trên để đáo sổ ngân hàng, số tiền này lúc ông đến nhà ông P đòi nợ thì vợ ông P có biết việc vay của ông P, ông đề nghị ông P, bà L phải trả ông số tiền trên. Số tiền ông cho ông P vay L số tiền của vợ chồng ông. Từ khi vay ông P không trả cho ông được khoản tiền lãi nào. Sau khi đến hạn trả nợ tiền gốc từ ngày 30/11/2020 cho đến nay ông P không trả được cho ông khoản tiền gốc và lãi nào cho dù ông đã đòi rất nhiều lần.

Ngày 16/10/2020 Tòa án nhân dân huyện Việt Yên (nay L thị xã Việt Yên) đã thụ lý vụ án của ông đòi nợ đối với ông P, sau đó hòa giải ông P hứa sẽ thu xếp trả tiền dần cho ông nên ông đã rút đơn khởi kiện. Ngày 14/4/2021 Tòa án nhân dân huyện Việt Yên (nay L thị xã Việt Yên) đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 07/2021/QĐST-DS. Sau khi ông rút đơn khởi kiện về từ đó cho đến nay ông đã đòi ông P rất nhiều lần nhưng ông P toàn khát nợ, không trả được cho ông khoản tiền gốc và lãi nào.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Dương Đức P và bà Dương Thị L phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc đã vay L 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) theo giấy biên nhận vay tiền ngày 30/11/2019 và tiền lãi theo quy định của pháp luật L 10%/năm tính từ ngày 30/11/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu M có mặt trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đơn khởi kiện của ông theo quy định của pháp luật, ngoài ra ông không có yêu cầu đề nghị gì khác.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Dương Đức P trình bày:*

Ông và ông M không có mối quan hệ gì, ông chỉ biết ông M chuyên Lm dịch vụ cho vay tiền lãi ngày. Ngày 30/11/2019 dương lịch tức ngày 05/11/2019 âm lịch ông không vay ông M số tiền 110.000.000 đồng, ông chỉ nhớ có một lần viết giấy vay, cụ thể ngày nào đến nay ông không nhớ vì lâu rồi, ông có vay số tiền 50.000.000 đồng, ông đã trả cho ông M 02 lần tổng số tiền 54.000.000 đồng cả gốc

và lẫn vào ngày tháng năm nào ông cũng không nhớ, trả tiền hai bên không viết giấy tờ gì, nay ông xác định chỉ nợ số tiền nợ lẫn của ông M đối với số tiền 50.000.000 đồng đã vay. Ông vay tiền mục đích để mua công nông phục vụ thu gom rác thải của các hộ dân trong xã, ông có được xã trả tiền hàng tháng, ông Lm được 03 tháng thì ông không Lm nữa. Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/11/2019 được viết tại nhà ông M, lúc viết giấy chỉ có mặt ông và ông M, ngoài ra không có ai khác. Nội dung trong giấy biên nhận vay tiền có viết số tiền, còn viết cụ thể số tiền bao nhiêu vào trong giấy ông không nắm được, toàn bộ chữ viết trong giấy vay tiền ngày 30/11/2019 L chữ viết của ông, chữ ký “P, Dương Đức P” trong mục người vay tiền L chữ ký, chữ viết của ông.

Tại phiên tòa ông xác định giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/11/2019 có viết số tiền 110.000.000 đồng L viết chót số tiền các loại lẫn vì ông trước đó có vay ông M rất nhiều lần và đã trả hết số tiền gốc cho ông M, chỉ còn nợ ông M tiền lẫn, những lần vay trước ông không có giấy tờ gì, chỉ có một bản gốc do ông M giữ, mỗi lần ông trả tiền hai bên không viết giấy tờ gì, hình thức mỗi lần ông trả xong tiền L ông M sẽ xé tờ giấy vay bản gốc đó đi L xong. Ông xác định phần đầu giấy biên nhận vay tiền ông có ghi “vợ tôi L Dương Thị L...”, thực tế việc vay tiền ông M vợ ông bà L không biết, không nắm được, vay để Lm ăn riêng cá nhân ông, khi vay tiền bà L không có mặt, không ký vào giấy biên nhận vay tiền.

Khi viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/11/2019 xong, ông M không đưa cho ông khoản tiền nào, trong giấy này ông có ghi “Hẹn anh chị M L đến ngày 30 tháng 11 năm 2020” nhưng thực tế ông và ông M không thỏa thuận ngày hẹn trả. Ngày 16/10/2020 Tòa án nhân dân huyện Việt Yên (nay L thị xã Việt Yên) đã thụ lý vụ án khởi kiện của ông M kiện đòi tiền ông, sau đó ông M đã rút đơn khởi kiện. Ngày 14/4/2021 Tòa án nhân dân huyện Việt Yên (nay L thị xã Việt Yên) đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 07/2021/QĐST-DS. Từ khi viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/11/2019 cho đến nay ông không trả cho ông M được khoản tiền nào.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông và bà Dương Thị L phải trả cho vợ chồng ông M số tiền gốc đã vay L 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) theo giấy biên nhận vay tiền ngày 30/11/2019 và tiền lẫn theo quy định của pháp luật L 10%/năm tính từ ngày 30/11/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M với lý do: Vợ ông bà L không vay tiền của ông M mà chỉ một mình ông ký tên vay, vay tiền cá nhân ông, không liên quan gì đến nợ ông, số tiền ông M khởi kiện 110.000.000 đồng tiền gốc thực tế L số tiền chót tiền lẫn, tiền gốc ông đã trả hết ông M. Tòa án yêu cầu ông cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của ông nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông không có giấy tờ gì để cung cấp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông Dương Đức P có mặt trình bày: Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M, việc vay ông M số tiền trên L vay Lm ăn cá nhân

ông, bà L không biết và không được sử dụng số tiền này, không liên quan gì đến vợ ông bà L, tại phiên tòa ông cũng không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp.

** Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L trình bày:*

Ngày 30/11/2019 ông P và bà L có vay của vợ chồng bà số tiền 110.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/5/2024 L 58.000.000 đồng, từ khi vay đến nay vợ chồng bà đòi nhiều lần nhưng không được, ông P, bà L không trả cho vợ chồng bà được khoản tiền nào. Nay bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M, ngoài ra bà không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa bà Vũ Thị L vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông M có mặt trình bày: Ông vẫn giữ nguyên lời trình bày của bà L, không bổ sung gì.

** Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L trình bày:*

Bà không hề biết gì về việc vay mượn của ông P với ông M, số tiền hai ông cho nhau vay bà không biết, không chứng kiến. Ông P cũng không nói cho bà biết về việc vay mượn này, số tiền vay ông P cũng không đưa cho bà nên bà không được sử dụng vào sinh hoạt chung của gia đình. Ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả 110.000.000 đồng quan điểm của bà không đồng ý trả vì bà không tham gia việc vay mượn trên và không được sử dụng số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay bà Dương Thị L vắng mặt.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử L đảm bảo theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông M, bị đơn ông P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L chấp hành đúng quy định của pháp luật; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L không chấp hành đúng quy định của pháp luật.*

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

- Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu M. Buộc ông Dương Đức P phải trả cho ông Nguyễn Hữu M, bà Vũ Thị L tổng số tiền L 157.095.000 đồng (trong đó tiền gốc L 110.000.000 đồng và tiền lãi L 47.095.000 đồng).

Về án phí: Ông P phải chịu 7.855.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Hữu M và ông Dương Đức P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông P có nơi cư trú: Thôn Ruồng, xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án L đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L vắng mặt đã có ủy quyền cho ông M, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L, bà L.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Hữu M có đơn khởi kiện yêu cầu ông P, bà L phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc theo giấy biên nhận vay tiền ngày 30/11/2019 và trả tiền lãi từ ngày 30/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật được xác định L quan hệ “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Về thời hiệu: Căn cứ Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/11/2019 thì ông P vay của ông M, bà L số tiền 110.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm đến ngày 30/11/2020. Sau đó đến hạn trả nợ ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 08/10/2024 ông M nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông P, bà L trả số tiền đã vay. Vụ án không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu. Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M, Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả:

Căn cứ vào chứng cứ L giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/11/2019 có chữ viết và chữ ký của ông Dương Đức P mục bên vay và lời khai ông P thừa nhận toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy trên L chữ ký, chữ viết của ông, L phù hợp với lời khai của nguyên đơn ông M người cho vay số tiền gốc L 110.000.000 đồng. Sau khi vay xong đến hạn trả ông P không trả được tiền cho ông M, ông P trình bày không thừa nhận nợ số tiền trên và đã trả được tiền cho ông M nhưng không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc trình bày của mình. Ông P xác định số tiền vay vợ ông bà L không biết, ông vay Lm ăn riêng cá nhân ông, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Ông M xác định số tiền cho ông P vay L tiền của vợ chồng ông, số tiền ông P vay L số tiền vay chung của vợ chồng ông P, bà L, ông M yêu cầu cả ông P và bà L phải phải vợ chồng ông số tiền đã vay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông P không cung cấp được các tài liệu liên quan đến việc thể hiện không vay số tiền trên và đã trả đủ số tiền đã vay cho ông P, vợ ông P bà L trình bày việc vay tiền của ông P bà không biết, không chứng kiến, không được sử dụng số tiền vay vào sử dụng chung của gia đình nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông M, buộc vợ chồng ông P, bà L phải liên đới trả nợ

mà chỉ buộc cá nhân ông P phải trả tiền cho ông M, bà L số tiền gốc đã vay theo giấy vay tiền ngày 30/11/2019.

* Về lãi suất ông M yêu cầu ông P, bà L trả lãi suất theo quy định của pháp luật 10%/năm từ ngày 30/11/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 14/3/2025 thì thấy:

Tại giấy biên nhận vay tiền ngày 30/11/2019 ghi lãi suất do hai bên thỏa thuận, thời hạn vay L 01 năm. Nhưng nguyên đơn ông M trình bày trên thực tế hai bên thỏa thuận miệng bên ngoài hợp đồng L 2.000 đồng/1triệu/1ngày, ông P trình bày ông M cho vay lãi ngày 3.000 đồng/1triệu/1ngày. Như vậy, lời khai của nguyên đơn, bị đơn về mức lãi suất thể hiện lãi suất không rõ ràng, cần xác định đây L hợp đồng vay có kỳ hạn, lãi suất không rõ ràng, có tranh chấp về lãi suất cần phải tính lãi suất chậm trả của hợp đồng này có mức L 10%/năm theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn ông M yêu cầu lãi suất tính từ ngày 30/11/2020 nên cần được chấp nhận.

Cụ thể tiền lãi:

Thời điểm từ ngày 30/11/2020 đến ngày 14/3/2025 tiền lãi L 04 năm 03 tháng 12 ngày. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: 04 năm x 110.000.000 đồng x 10% + 03 tháng x 110.000.000 đồng x 0,83% + 12 ngày x 110.000.000 đồng x 0,027% = 44.000.000 đồng + 2.739.000 đồng + 356.000 đồng = 47.095.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà ông P phải trả cho ông M, bà L L: 47.095.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà ông P phải trả cho ông M, bà L cả gốc và lãi L 157.095.000 đồng. Trong đó tiền gốc L 110.000.000 đồng và tiền lãi L 47.095.000 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tại phiên tòa các bên đương sự có mặt không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông M được chấp nhận nên ông P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể tiền án phí dân sự sơ thẩm của L: 157.095.000 đồng x 5% = 7.855.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu M. Buộc ông Dương Đức P phải trả cho ông Nguyễn Hữu M, bà Vũ Thị L tổng số tiền L 157.095.000 đồng (một trăm lăm mươi bảy triệu không trăm chín lăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc L 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) và tiền lãi L 47.095.000 đồng (bốn mươi bảy triệu không trăm chín lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí: Ông Dương Đức P phải liên đới chịu 7.855.000 đồng (bảy triệu tám trăm lăm mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

